

Số: 245 /QĐ-HVTP

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về mức thu học phí đối với các chương trình đào tạo
nghề luật sư, nghề công chứng của Học viện Tư pháp tổ chức ngoài trụ sở
tại Hà Nội và Cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh**

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN TƯ PHÁP

Căn cứ Quyết định số 23/2004/QĐ-TTg ngày 25/02/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 125/2011/NĐ-CP ngày 30/12/2011 của Chính phủ quy định về trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 2229/QĐ-BTP ngày 22/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 2806/QĐ-BTP Ngày 06/11/2019 Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu học phí đối với các chương trình đào tạo nghề luật sư, nghề công chứng của Học viện Tư pháp tổ chức ngoài trụ sở tại Hà Nội và Cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Mức thu học phí đối với các chương trình đào tạo nghề luật sư, nghề công chứng của Học viện Tư pháp tổ chức ngoài trụ sở tại Hà Nội và Cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh theo hình thức trực tiếp, hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến:

1.1. Mức thu học phí đối với Chương trình đào tạo nghề luật sư, nghề công chứng tổ chức tại Tp. Thái Nguyên – Tỉnh Thái Nguyên, Tp. Hòa Bình – Tỉnh Hòa Bình và các tỉnh, khu vực lân cận:

- Đối với các khóa học tổ chức vào buổi tối các ngày trong tuần và thứ bảy, chủ nhật: **32.700.000** đồng/học viên/khoá học (Ba mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn).

- Đối với các khóa học tổ chức vào giờ hành chính: **27.660.000** đồng/học viên/khoá học (Hai mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

- Chi tiết cho từng tín chỉ theo Phụ lục số 1.1-LSĐP, Phụ lục số 2.1-CCVĐP đính kèm.

1.2. Mức thu học phí đối với Chương trình đào tạo nghề luật sư, nghề công chứng tổ chức tại Tp. Hạ Long – Tỉnh Quảng Ninh và các tỉnh, khu vực lân cận:

- Đối với các khóa học tổ chức vào buổi tối các ngày trong tuần và thứ bảy, chủ nhật: **35.700.000** đồng/học viên/khoá học (Ba mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn).

- Đối với các khóa học tổ chức vào giờ hành chính: **30.660.000** đồng/học viên/khoá học (Ba mươi triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

- Chi tiết cho từng tín chỉ theo Phụ lục số 1.2-LSĐP, Phụ lục số 2.2-CCVĐP đính kèm.

1.3. Mức thu học phí đối với Chương trình đào tạo nghề luật sư, nghề công chứng tổ chức tại Tp. Điện Biên – Tỉnh Điện Biên và các tỉnh, khu vực lân cận:

- Đối với các khóa học tổ chức vào buổi tối các ngày trong tuần và thứ bảy, chủ nhật: **37.250.000** đồng/học viên/khoá học (Ba mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

- Đối với các khóa học tổ chức vào giờ hành chính: **32.210.000** đồng/học viên/khoá học (Ba mươi hai triệu hai trăm mười nghìn đồng chẵn).

- Chi tiết cho từng tín chỉ theo Phụ lục số 1.3-LSĐP, Phụ lục số 2.3-CCVĐP đính kèm.

1.4. Mức thu học phí đối với Chương trình đào tạo nghề luật sư, nghề công chứng tổ chức tại Tp. Hải Phòng và các tỉnh, khu vực lân cận:

- Đối với các khóa học tổ chức vào buổi tối các ngày trong tuần và thứ bảy, chủ nhật: **34.200.000** đồng/học viên/khoá học (Ba mươi tư triệu hai trăm nghìn đồng chẵn).

- Đối với các khóa học tổ chức vào giờ hành chính: **29.160.000** đồng/học viên/khoá học (Hai mươi chín triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

- Chi tiết cho từng tín chỉ theo Phụ lục số 1.4-LSĐP, Phụ lục số 2.4-CCVĐP đính kèm.

1.5. Mức thu học phí đối với Chương trình đào tạo nghề luật sư, nghề công chứng tổ chức tại Tp. Thanh Hóa – Tỉnh Thanh Hóa và các tỉnh, khu vực lân cận:

- Đối với các khóa học tổ chức vào buổi tối các ngày trong tuần và thứ bảy, chủ nhật: **35.000.000** đồng/học viên/khoá học (Ba mươi lăm triệu đồng chẵn).

chẵn).

- Đối với các khóa học tổ chức vào giờ hành chính: **29.960.000** đồng/học viên/khoá học (Hai mươi chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

- Chi tiết cho từng tín chỉ theo Phụ lục số 1.5-LSĐP, Phụ lục số 2.5-CCVĐP đính kèm.

1.6. Mức thu học phí đối với Chương trình đào tạo nghề luật sư, nghề công chứng tổ chức tại Tp. Vinh – Tỉnh Nghệ An và các tỉnh, khu vực lân cận:

- Đối với các khóa học tổ chức vào buổi tối các ngày trong tuần và thứ bảy, chủ nhật: **36.500.000** đồng/học viên/khoá học (Bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).

- Đối với các khóa học tổ chức vào giờ hành chính: **31.460.000** đồng/học viên/khoá học (Ba mươi một triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

- Chi tiết cho từng tín chỉ theo Phụ lục số 1.6-LSĐP, Phụ lục số 2.6-CCVĐP đính kèm.

1.7. Mức thu học phí đối với Chương trình đào tạo nghề luật sư, nghề công chứng tổ chức tại Tp. Đồng Hới – Tỉnh Quảng Bình và các tỉnh, khu vực lân cận:

- Đối với các khóa học tổ chức vào buổi tối các ngày trong tuần và thứ bảy, chủ nhật: **37.000.000** đồng/học viên/khoá học (Ba mươi bảy triệu đồng chẵn).

- Đối với các khóa học tổ chức vào giờ hành chính: **31.960.000** đồng/học viên/khoá học (Ba mươi một triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

- Chi tiết cho từng tín chỉ theo Phụ lục số 1.7-LSĐP, Phụ lục số 2.7-CCVĐP đính kèm.

1.8. Mức thu học phí đối với Chương trình đào tạo nghề luật sư, nghề công chứng tổ chức tại Tp. Huế – Tỉnh Thừa Thiên-Huế, Tp. Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định và các tỉnh, khu vực lân cận:

- Đối với các khóa học tổ chức vào buổi tối các ngày trong tuần và thứ bảy, chủ nhật: **37.500.000** đồng/học viên/khoá học (Ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).

- Đối với các khóa học tổ chức vào giờ hành chính: **32.460.000** đồng/học viên/khoá học (Ba mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

- Chi tiết cho từng tín chỉ theo Phụ lục số 1.8-LSĐP, Phụ lục số 2.8-CCVĐP đính kèm.

1.9. Mức thu học phí đối với Chương trình đào tạo nghề luật sư, nghề công chứng tổ chức tại Tp. Đà Nẵng và các tỉnh, khu vực lân cận:

- Đối với các khóa học tổ chức vào buổi tối các ngày trong tuần và thứ bảy, chủ nhật: **38.300.000** đồng/học viên/khoá học (Ba mươi tám triệu ba trăm

nghìn đồng chẵn).

- Đối với các khóa học tổ chức vào giờ hành chính: **33.260.000** đồng/học viên/khoá học (Ba mươi ba triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

- Chi tiết cho từng tín chỉ theo Phụ lục số 1.9-LSĐP, Phụ lục số 2.9-CCVĐP đính kèm.

1.10. Mức thu học phí đối với Chương trình đào tạo nghề luật sư, nghề công chứng tổ chức tại Tp. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa và các tỉnh, khu vực lân cận:

- Đối với các khóa học tổ chức vào buổi tối các ngày trong tuần và thứ bảy, chủ nhật: **37.650.000** đồng/học viên/khoá học (Ba mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

- Đối với các khóa học tổ chức vào giờ hành chính: **32.610.000** đồng/học viên/khoá học (Ba mươi hai triệu sáu trăm mười nghìn đồng chẵn).

- Chi tiết cho từng tín chỉ theo Phụ lục số 1.10-LSĐP, Phụ lục số 2.10-CCVĐP đính kèm.

1.11. Mức thu học phí đối với Chương trình đào tạo nghề luật sư, nghề công chứng tổ chức tại Tp. Đà Lạt – Tỉnh Lâm Đồng và các tỉnh, khu vực lân cận:

- Đối với các khóa học tổ chức vào buổi tối các ngày trong tuần và thứ bảy, chủ nhật: **39.300.000** đồng/học viên/khoá học (Ba mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng chẵn).

- Đối với các khóa học tổ chức vào giờ hành chính: **34.260.000** đồng/học viên/khoá học (Ba mươi tư triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

- Chi tiết cho từng tín chỉ theo Phụ lục số 1.11-LSĐP, Phụ lục số 2.11-CCVĐP đính kèm.

1.12. Mức thu học phí đối với Chương trình đào tạo nghề luật sư, nghề công chứng tổ chức tại Tp. Buon Ma Thuột – Tỉnh Đắk Lắk và các tỉnh, khu vực lân cận:

- Đối với các khóa học tổ chức vào buổi tối các ngày trong tuần và thứ bảy, chủ nhật: **38.500.000** đồng/học viên/khoá học (Ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).

- Đối với các khóa học tổ chức vào giờ hành chính: **33.460.000** đồng/học viên/khoá học (Ba mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

- Chi tiết cho từng tín chỉ theo Phụ lục số 1.12-LSĐP, Phụ lục số 2.12-CCVĐP đính kèm.

1.13. Mức thu học phí đối với Chương trình đào tạo nghề luật sư, nghề công chứng tổ chức tại Tp. Tây Ninh – Tỉnh Tây Ninh và các tỉnh, khu vực lân cận:

- Đối với các khóa học tổ chức vào buổi tối các ngày trong tuần và thứ bảy, chủ nhật: **33.300.000** đồng/học viên/khoá học (Ba mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng chẵn).

- Đối với các khóa học tổ chức vào giờ hành chính: **28.260.000** đồng/học viên/khoá học (Hai mươi tám triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

- Chi tiết cho từng tín chỉ theo Phụ lục số 1.13-LSĐP, Phụ lục số 2.13-CCVĐP đính kèm.

1.14. Mức thu học phí đối với Chương trình đào tạo nghề luật sư, nghề công chứng tổ chức tại Tp. Vũng Tàu – Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và các tỉnh, khu vực lân cận:

- Đối với các khóa học tổ chức vào buổi tối các ngày trong tuần và thứ bảy, chủ nhật: **35.200.000** đồng/học viên/khoá học (Ba mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng chẵn).

- Đối với các khóa học tổ chức vào giờ hành chính: **30.160.000** đồng/học viên/khoá học (Ba mươi triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

- Chi tiết cho từng tín chỉ theo Phụ lục số 1.14-LSĐP, Phụ lục số 2.14-CCVĐP đính kèm.

1.15. Mức thu học phí đối với Chương trình đào tạo nghề luật sư, nghề công chứng tổ chức tại Tp. Vị Thanh – Tỉnh Hậu Giang, Tp. Cần Thơ, Tp. Cà Mau – Tỉnh Cà Mau, Tp. Rạch Giá – Tỉnh Kiên Giang và các tỉnh, khu vực lân cận:

- Đối với các khóa học tổ chức vào buổi tối các ngày trong tuần và thứ bảy, chủ nhật: **36.000.000** đồng/học viên/khoá học (Ba mươi sáu triệu đồng chẵn).

- Đối với các khóa học tổ chức vào giờ hành chính: **30.960.000** đồng/học viên/khoá học (Ba mươi triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

- Chi tiết cho từng tín chỉ theo Phụ lục số 1.15-LSĐP, Phụ lục số 2.15-CCVĐP đính kèm.

1.16. Mức thu học phí đối với Chương trình đào tạo nghề luật sư, nghề công chứng tổ chức tại Tp. Long Xuyên – Tỉnh An Giang và các tỉnh, khu vực lân cận:

- Đối với các khóa học tổ chức vào buổi tối các ngày trong tuần và thứ bảy, chủ nhật: **36.600.000** đồng/học viên/khoá học (Ba mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn).

- Đối với các khóa học tổ chức vào giờ hành chính: **31.560.000** đồng/học viên/khoá học (Ba mươi một triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

- Chi tiết cho từng tín chỉ theo Phụ lục số 1.16-LSĐP, Phụ lục số 2.16-CCVĐP đính kèm.

2. Mức thu học phí đối với các chương trình đào tạo nghề luật sư, nghề công chứng của Học viện Tư pháp tổ chức ngoài trụ sở tại Hà Nội và Cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh theo hình thức trực tuyến:

2.1. Đối với các khóa học tổ chức vào buổi tối các ngày trong tuần và thứ bảy, chủ nhật: 25.190.000 đồng/học viên/khoá học (Hai mươi lăm triệu một trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

2.2. Đối với các khóa học tổ chức vào giờ hành chính: 20.150.000 đồng/học viên/khoá học (Hai mươi triệu một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

Chi tiết cho từng tín chỉ theo Phụ lục số 1.17-LSĐP, Phụ lục số 2.17-CCVĐP đính kèm.

3. Quy định mức phí học lại học phần đối với các chương trình đào tạo nghề luật sư, nghề công chứng của Học viện Tư pháp mở ngoài trụ sở tại Hà Nội và Cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

3.1. Khóa học tổ chức tại Tp. Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên, Tp Hòa Bình – Tỉnh Hòa Bình và các tỉnh, khu vực lân cận: Theo quy định tại Phụ lục số 1.1-LSĐP, 2.1-CCVĐP đính kèm.

3.2. Khóa học tổ chức tại Tp. Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh và các tỉnh, khu vực lân cận: Theo quy định tại Phụ lục số 1.2-LSĐP, 2.2-CCVĐP đính kèm.

3.3. Khóa học tổ chức tại Tp. Điện Biên - Tỉnh Điện Biên và các tỉnh, khu vực lân cận: Theo quy định tại Phụ lục số 1.3-LSĐP, 2.3-CCVĐP đính kèm.

3.4. Khóa học tổ chức tại Tp. Hải Phòng và các tỉnh, khu vực lân cận: Theo quy định tại Phụ lục số 1.4-LSĐP, 2.4-CCVĐP đính kèm.

3.5. Khóa học tổ chức tại Tp. Thanh Hóa - Tỉnh Thanh Hóa và các tỉnh, khu vực lân cận: Theo quy định tại Phụ lục số 1.5-LSĐP, 2.5-CCVĐP đính kèm.

3.6. Khóa học tổ chức tại Tp. Vinh - Tỉnh Nghệ An và các tỉnh, khu vực lân cận: Theo quy định tại Phụ lục số 1.6-LSĐP, 2.6-CCVĐP đính kèm.

3.7. Khóa học tổ chức tại Tp. Đồng Hới - Tỉnh Quảng Bình và các tỉnh, khu vực lân cận: Theo quy định tại Phụ lục số 1.7-LSĐP, 2.7-CCVĐP đính kèm.

3.8. Khóa học tổ chức tại Tp. Huế - Tỉnh Thừa Thiên - Huế, Tp. Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định và các tỉnh, khu vực lân cận: Theo quy định tại Phụ lục số 1.8-LSĐP, 2.8-CCVĐP đính kèm.

3.9. Khóa học tổ chức tại Tp. Đà Nẵng và các tỉnh, khu vực lân cận: Theo quy định tại Phụ lục số 1.9-LSĐP, 2.9-CCVĐP đính kèm.

3.10. Khóa học tổ chức tại Tp. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa và các tỉnh, khu vực lân cận: Theo quy định tại Phụ lục số 1.10-LSĐP, 2.10-CCVĐP đính kèm.

3.11. Khóa học tổ chức tại Tp. Đà Lạt - Tỉnh Lâm Đồng và các tỉnh, khu vực lân cận: Theo quy định tại Phụ lục số 1.11-LSĐP, 2.11-CCVĐP đính kèm.

3.12. Khóa học tổ chức tại Tp. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk và các tỉnh, khu vực lân cận: Theo quy định tại Phụ lục số 1.12-LSĐP, 2.12-CCVĐP đính kèm.

3.13. Khóa học tổ chức tại Tp. Tây Ninh - Tỉnh Tây Ninh và các tỉnh, khu vực lân cận: Theo quy định tại Phụ lục số 1.13-LSĐP, 2.13-CCVĐP đính kèm.

3.14. Khóa học tổ chức tại Tp. Vũng Tàu - Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và các tỉnh, khu vực lân cận: Theo quy định tại Phụ lục số 1.14-LSĐP, 2.14-CCVĐP đính kèm.

3.15. Khóa học tổ chức tại Tp. Vị Thanh - Tỉnh Hậu Giang, Tp. Cần Thơ, Tp. Cà Mau - Tỉnh Cà Mau, Tp. Rạch Giá - Tỉnh Kiên Giang và các tỉnh, khu vực lân cận: Theo quy định tại Phụ lục số 1.15-LSĐP, 2.15-CCVĐP đính kèm.

3.16. Khóa học tổ chức tại Tp. Long Xuyên - Tỉnh An Giang và các tỉnh, khu vực lân cận: Theo quy định tại Phụ lục số 1.16-LSĐP, 2.16-CCVĐP đính kèm.

3.17. Khóa học tổ chức theo hình thức trực tuyến: Theo Phụ lục số 1.17-LSĐP, 2.17-CCVĐP đính kèm.

4. Quy định mức thu học phí đối với trường hợp học viên học lại, bảo lưu học cùng khóa khác:

4.1. Trường hợp học viên học lại cùng các khóa học khác: Học viên học lại cùng khóa học được tổ chức tại địa điểm nào thì thực hiện mức phí học lại theo quy định dành cho địa điểm đó.

4.2. Trường hợp học viên bảo lưu, học tiếp cùng các khóa học khác thì thực hiện theo mức học phí của khóa học mà học viên thực hiện bảo lưu, chi tiết theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

5. Mức thu học phí trên bao gồm giáo trình cấp cho học viên tham gia các khóa đào tạo.

6. Mức thu học phí của các chương trình đào tạo của Học viện Tư pháp được điều chỉnh hàng năm với tỷ lệ tăng không quá 15%/năm.

Điều 2. Về chính sách ưu đãi miễn, giảm học phí và điều kiện áp dụng:

1. Ưu đãi miễn, giảm học phí cho học viên thuộc đối tượng chính sách:

1.1. Miễn 100% tổng mức thu học phí đối với người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005, Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (nếu có);

1.2. Giảm 50% tổng mức thu học phí đối với những học viên thuộc một trong các đối tượng sau:

- Con liệt sĩ;

- Người có công nuôi dưỡng liệt sĩ;

1.3. Giảm 30% tổng mức thu học phí đối với những học viên thuộc một trong các đối tượng sau:

- Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con của thương binh, bệnh binh;

- Cựu chiến binh (theo quy định tại Thông tư số 25/2016/TT-BLĐTĐ ngày 26 tháng 7 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định, quản lý đối tượng tham gia bảo hiểm y tế theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế).

2. Ưu đãi giảm học phí cho học viên đã, đang theo học tại Học viện Tư pháp:

2.1. Giảm 30% tổng mức thu học phí đối với học viên là người đã hoàn thành một trong các khóa đào tạo nghiệp vụ xét xử, đào tạo nghiệp vụ kiểm sát hoặc đào tạo nghề luật sư tại Học viện Tư pháp tham gia học theo Chương trình đào tạo chung nguồn thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư.

2.2. Giảm 20% mức thu học phí đối với học viên là người đã hoàn thành một trong các khóa đào tạo theo nhu cầu xã hội tiếp tục tham gia các khóa đào tạo theo nhu cầu xã hội khác do Học viện Tư pháp tổ chức.

2.3. Giảm 10% mức thu học phí đối với học viên là người đang tham gia một trong các khóa đào tạo theo nhu cầu xã hội khác do Học viện Tư pháp tổ chức.

3. Nguyên tắc, điều kiện áp dụng và hồ sơ ưu đãi miễn, giảm học phí:

3.1. Nguyên tắc, điều kiện áp dụng:

- Học viên thuộc nhiều đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này chỉ được hưởng một mức miễn, giảm học phí theo một đối tượng có mức miễn, giảm học phí cao nhất.

- Học viên thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này được hưởng mức ưu đãi giảm học phí khi hoàn thành đủ 100% mức thu học phí của cả khóa học. Học viên không được rút học phí trong mọi trường hợp.

- Học viên thuộc đối tượng quy định tại mục c khoản 2 Điều này được hưởng mức ưu đãi giảm học phí khi hoàn thành đủ 100% mức thu học phí của cả khóa học đang tham gia.

- Không áp dụng chế độ miễn, giảm học phí trong thời gian người học bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lại, học bổ sung. Trường hợp người học phải dừng học; học lại (không quá một lần) do ốm đau, tai nạn hoặc dừng học vì lý do bất khả kháng không do kỷ luật hoặc tự thôi học thì Giám đốc Học viện xem xét cho tiếp tục học tập theo quy định và tiếp tục được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại Quyết định này.

- Trường hợp đặc biệt do Giám đốc quyết định.

3.2. Hồ sơ ưu đãi miễn, giảm học phí:

- Đối với học viên thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này: Áp dụng theo quy định tại Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

- Đối với học viên thuộc đối tượng quy định tại mục a, mục b khoản 2 Điều này: Học viên cung cấp bản sao có chứng thực Chứng chỉ (Giấy chứng nhận) đào tạo nghề.

- Đối với học viên thuộc đối tượng quy định tại mục c khoản 2 Điều này: Học viên xuất trình thẻ học viên, hóa đơn học phí, giấy xác nhận đang tham gia khóa học khác của Phòng Đào tạo và Công tác học viên hoặc Tổ quản lý đào tạo tại Cơ sở Tp Hồ Chí Minh.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Mức thu học phí quy định tại Quyết định này áp dụng đối với các khóa đào tạo mở từ thời điểm Quyết định này có hiệu lực.

3. Quyết định số 3088/QĐ-HVTP ngày 25/12/2019 quy định mức thu học phí đối với các chương trình đào tạo theo nhu cầu xã hội, Quyết định số 3123/QĐ-HVTP ngày 30/12/2019 về việc giảm học phí đối với các chương trình đào tạo theo nhu cầu xã hội tổ chức đào tạo trong giờ hành chính mở trong năm 2020, Quyết định 432/QĐ-HVTP ngày 08/4/2020 quy định mức thu học phí đào tạo trực tuyến, Quyết định số 426/QĐ-HVTP ngày 24/3/2021 về mức thu học phí đào tạo trực tuyến đối với các chương trình đào tạo theo nhu cầu xã hội tiếp tục có hiệu lực thi hành đối với các khóa đào tạo nghề luật sư, nghề công chứng mở ngoài trụ sở Học viện Tư pháp tại Hà Nội và Cơ sở tại Tp. Hồ Chí Minh trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực.

4. Trưởng phòng Hành chính, Tổng hợp và Đối ngoại, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Trưởng phòng Đào tạo và Công tác học viên, Trưởng Cơ sở Học viện Tư pháp tại Tp. Hồ chí Minh và Trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Học viện Tư pháp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Đặng Hoàng Oanh (để báo cáo);
- Cục Kế hoạch-Tài chính (để biết);
- Đăng Công thông tin điện tử của Học viện Tư pháp;
- Lưu: VT, TCKT.



Nguyễn Xuân Thu

